BỘ QUỐC PHÒNG

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/NĐHN-BQP

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2013

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ
Ban hành Điều lệ phục vụ của hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam

Nghị định số 54/CP ngày 07 tháng 8 năm 1995 của Chính phủ về việc ban hành Điều lệ phục vụ của hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 8 năm 1995, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 17/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ phục vụ của hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 54/CP ngày 07 tháng 8 năm 1995 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2007.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30/9/1992;

Căn cứ Luật Nghĩa vụ quân sự ngày 30/12/1981 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Nghĩa vụ quân sự tháng 12/1990 và tháng 6/1994;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,[1]

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này Điều lệ phục vụ của Hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam.

---

[1] Nghị định số 17/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ phục vụ của hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 54/CP ngày 07 tháng 8 năm 1995 của Chính phủ, có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Nghĩa vụ quân sự ngày 30 tháng 12 năm 1981; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự ngày 21 tháng 12 năm 1990; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự ngày 22 tháng 6 năm 1994 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,"

Điều 2.[2] Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký, các quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Điều 4. Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT
Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2013
BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Phùng Quang Thanh

[2] Điều 2, Điều 3 và Điều 4 của Nghị định số 17/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ phục vụ của hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 54/CP ngày 07 tháng 8 năm 1995 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2007 quy định như sau:

*"**Điều 2.** Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo, các quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.*

***Điều 3.** Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện Nghị định này.*

***Điều 4.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này."*

ĐIỀU LỆ
PHỤC VỤ CỦA HẠ SĨ QUAN, BINH SĨ QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Nghị định số 54/CP ngày 07 tháng 8 năm 1995 của Chính phủ)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.

1. Hạ sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam là quân nhân có quân hàm Thượng sĩ, Trung sĩ, Hạ sĩ.

2. Binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam là quân nhân có quân hàm binh nhất, binh nhì.

Điều 2.

1. Hạ sĩ quan và binh sĩ Quân đội nhân dân được chia thành hai ngạch: hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ và hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị.

2.[3] Hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị được chia thành quân nhân dự bị hạng một và quân nhân dự bị hạng hai:

a) Quân nhân dự bị hạng một gồm:

Hạ sĩ quan, binh sĩ đã phục vụ tại ngũ đủ thời hạn hoặc trên thời hạn quy định; hạ sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ trước thời hạn, nhưng đã phục vụ tại ngũ trên 06 tháng; hạ sĩ quan, binh sĩ đã trải qua chiến đấu; nam quân nhân dự bị hạng hai đã trải qua huấn luyện tập trung đủ 06 tháng.

b) Quân nhân dự bị hạng hai gồm:

Hạ sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ trước thời hạn nhưng đã phục vụ tại ngũ dưới 06 tháng; công dân nam chưa phục vụ tại ngũ từ 26 tuổi trở lên được chuyển sang ngạch dự bị; công dân nữ đã đăng ký nghĩa vụ quân sự theo quy định tại Điều 4 của Luật Nghĩa vụ quân sự.

3.[4] Hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị ở mỗi hạng được chia thành hai nhóm:

---

[3]Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 17/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ phục vụ của hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 54/CP ngày 07 tháng 8 năm 1995 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2007.

[4]Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 17/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ phục vụ của hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 54/CP ngày 07 tháng 8 năm 1995 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2007.

Nhóm A: gồm những công dân nam đến hết 35 tuổi; công dân nữ đến hết 30 tuổi;

Nhóm B: gồm những công dân nam từ 36 tuổi đến hết 45 tuổi; công dân nữ từ 31 tuổi đến hết 40 tuổi.

Điều 3.

a) Thời hạn phục vụ tại ngũ trong thời bình của hạ sĩ quan, binh sĩ thực hiện theo Điều 14, 15 Luật Nghĩa vụ quân sự - Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định vị trí, chức danh trong biểu biên chế Quân đội nhân dân Việt Nam và quy định cụ thể diện phục vụ 2 năm và 3 năm;

b) Hạ sĩ quan, binh sĩ có nghĩa vụ và quyền lợi theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự và các văn bản quy định hiện hành của Chính phủ.

Điều 4. Những người sau đây được chọn để bổ sung vào đội ngũ hạ sĩ quan tại ngũ:

- Quân nhân tốt nghiệp ở các trường đào tạo hạ sĩ quan.

- Những binh sĩ có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, học tập, công tác có đủ điều kiện được xét phong quân hàm hạ sĩ quan theo yêu cầu của Quân đội.

- Những sinh viên trường đại học, cao đẳng, học sinh các trường trung học chuyên nghiệp, trường dạy nghề, những người có chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ, đã qua huấn luyện quân sự hết chương trình hạ sĩ quan được điều động vào Quân đội và có đủ điều kiện đảm nhiệm chức vụ của hạ sĩ quan.

- Hạ sĩ quan dự bị và những người có chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ ở các ngành ngoài Quân đội được động viên có đủ điều kiện đảm nhiệm chức vụ của hạ sĩ quan.

Điều 5. Các đơn vị quân đội, các cơ quan nhà nước và các địa phương trong phạm vi chức năng của mình có trách nhiệm bảo đảm quyền lợi cho hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ, khi xuất ngũ và trong thời hạn phục vụ ở ngạch dự bị.

Chương II
QUÂN HÀM VÀ CHỨC VỤ CỦA HẠ SĨ QUAN, BINH SĨ

Điều 6.[5]

1. Cấp bậc quân hàm và chức vụ của hạ sĩ quan, binh sĩ được quy định như sau:

a) Binh nhì, binh nhất: Chiến sĩ;

---

[5]Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 17/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ phục vụ của hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 54/CP ngày 07 tháng 8 năm 1995 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2007.

b) Hạ sĩ: Phó Tiểu đội trưởng;

c) Trung sĩ: Tiểu đội trưởng;

d) Thượng sĩ: Phó Trung đội trưởng.

2. Cấp bậc quân hàm và chức vụ tương đương với chức vụ quy định tại Khoản 1 Điều này do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định.

Điều 7. Việc phong, thăng, giáng và tước cấp bậc quân hàm, bổ nhiệm chức vụ, giáng chức, cách chức của hạ sĩ quan, binh sĩ do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định.

Điều 8.[6] Hạ sĩ quan, binh sĩ vi phạm kỷ luật Quân đội, pháp luật của Nhà nước bị xử phạt theo Điều lệnh quản lý bộ đội của Quân đội nhân dân Việt Nam và pháp luật của Nhà nước.

Chương III
NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN LỢI CỦA HẠ SĨ QUAN, BINH SĨ

Điều 9. Hạ sĩ quan, binh sĩ có nghĩa vụ và quyền lợi của công dân quy định trong Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các nghĩa vụ, quyền lợi khác quy định trong các luật, pháp lệnh, chính sách của Nhà nước và các điều lệnh, chế độ của Quân đội.

Điều 10. Hạ sĩ quan, binh sĩ hết hạn phục vụ tại ngũ được xuất ngũ, phải đăng ký và phục vụ trong ngạch dự bị tại địa phương nơi cư trú.

Điều 11. Hạ sĩ quan có cấp bậc quân hàm cao hơn là cấp trên của hạ sĩ quan có cấp bậc quân hàm thấp hơn. Trong trường hợp một hạ sĩ quan giữ chức vụ phụ thuộc vào một hạ sĩ quan khác có cấp bậc quân hàm ngang hoặc thấp hơn thì người giữ chức vụ phụ thuộc là cấp dưới.

Điều 12. Hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ hoặc dự bị vi phạm pháp luật Nhà nước, kỷ luật quân đội thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy tố trước pháp luật.

Đối với những người bị phạt tù, căn cứ vào thái độ sửa chữa và kết quả cải tạo, sau khi hết hạn tù, nếu không bị tước danh hiệu quân nhân có thể được xem xét cho tiếp tục làm nghĩa vụ quân sự nếu chưa hết thời hạn phục vụ, hoặc trở lại đơn vị để giải quyết chính sách.

(Thời gian ở tù không được tính là thời gian công tác).

---

[6]Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 17/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ phục vụ của hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 54/CP ngày 07 tháng 8 năm 1995 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2007.

Điều 13. Hạ sĩ quan, binh sĩ có thành tích trong chiến đấu, công tác được xét tặng thưởng huân chương, huy chương, và danh hiệu vinh dự Nhà nước hoặc các hình thức khen thưởng khác.

Điều 14. Hạ sĩ quan, binh sĩ thuộc các quân chủng, binh chủng khác nhau phải đeo cấp hiệu, phù hiệu và mang trang phục theo đúng cấp bậc, phù hiệu thuộc quân, binh chủng mình.

Điều 15. Hạ sĩ quan, binh sĩ có đủ điều kiện, tự nguyện thì sẽ được tuyển vào học ở các trường đào tạo của Quân đội, sau khi tốt nghiệp được bố trí công tác phù hợp với nghề nghiệp được đào tạo.

Trong thời chiến, những hạ sĩ quan, binh sĩ chiến đấu dũng cảm, lập được chiến công hoặc có thành tích xuất sắc trong công tác và có đủ điều kiện có thể được giao phụ trách chức vụ sĩ quan và được xét phong quân hàm sĩ quan, hoặc đi đào tạo sĩ quan, hoặc được Quân đội gửi đi đào tạo tại các trường nhà nước.

Điều 16.[7] Hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ được hưởng các chế độ theo Luật Nghĩa vụ quân sự ngày 30 tháng 12 năm 1981; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự ngày 21 tháng 12 năm 1990; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự ngày 22 tháng 6 năm 1994; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005 và chế độ, chính sách quy định tại các nghị định của Chính phủ. Cụ thể như sau:

1. Được đảm bảo cung cấp kịp thời tiêu chuẩn vật chất hậu cần theo quy định tại Nghị định số 123/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ.

2. Từ năm thứ hai trở đi được đi phép.

3. Khoản phụ cấp thêm từ tháng thứ 19 và tháng thứ 25 trở đi thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 2 Nghị định số 122/2006/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2006 của Chính phủ.

4. Được tính nhân khẩu trong gia đình khi gia đình được cấp hoặc điều chỉnh diện tích nhà ở, đất xây dựng nhà ở và đất canh tác.

5. Thời gian phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan, binh sĩ được tính là thời gian đóng bảo hiểm xã hội .

6. Được ưu tiên mua vé đi lại bằng các phương tiện giao thông thuộc các thành phần kinh tế.

7. Được ưu đãi về bưu phí theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

---

[7]Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 17/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ phục vụ của hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 54/CP ngày 07 tháng 8 năm 1995 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2007.

Điều 17.[8] Hạ sĩ quan, binh sĩ khi xuất ngũ được hưởng các quyền lợi theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 122/2006/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2006 của Chính phủ.

Điều 18.[9] Hạ sĩ quan, binh sĩ có thời hạn phục vụ tại ngũ 24 tháng khi xuất ngũ được hưởng chính sách theo quy định tại Khoản 4 Điều 4 Nghị định số 122/2006/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2006 của Chính phủ.

Điều 19.[10] ***(được bãi bỏ)***

Điều 20.[11]

Quân nhân dự bị trong thời gian tập trung huấn luyện, kiểm tra tình trạng sẵn sàng chiến đấu, gia đình được trợ cấp như sau:

1. Đối với quân nhân dự bị hạng 1:

a) Quân nhân dự bị hạng 1 đang hưởng tiền lương, tiền công thì gia đình được hưởng trợ cấp mỗi ngày bằng hệ số 0,05 so với mức tiền lương tối thiểu;

b) Quân nhân dự bị hạng 1 không hưởng tiền lương, tiền công thì gia đình được hưởng trợ cấp mỗi ngày bằng hệ số 0,1 so với mức tiền lương tối thiểu;

2. Đối với quân nhân dự bị hạng 2:

a) Quân nhân dự bị hạng 2 đang hưởng tiền lương, tiền công thì gia đình được hưởng trợ cấp mỗi ngày bằng hệ số 0,025 so với mức tiền lương tối thiểu;

b) Quân nhân dự bị hạng 2 không hưởng tiền lương, tiền công thì gia đình được hưởng trợ cấp mỗi ngày bằng hệ số 0,05 so với mức tiền lương tối thiểu.

---

[8]Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 17/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ phục vụ của hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 54/CP ngày 07 tháng 8 năm 1995 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2007.

[9]Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 17/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ phục vụ của hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 54/CP ngày 07 tháng 8 năm 1995 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2007.

[10]Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 17/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ phục vụ của hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 54/CP ngày 07 tháng 8 năm 1995 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2007.

[11]Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 9 Điều 1 của Nghị định số 17/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ phục vụ của hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 54/CP ngày 07 tháng 8 năm 1995 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2007.

Điều 21.

1. Hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, đủ thời hạn hoặc trên hạn định khi xuất ngũ về địa phương được cơ quan quản lý lao động, các cơ sở đào tạo dạy nghề, ưu tiên trong tuyển sinh, tuyển dụng hoặc sắp xếp và giới thiệu việc làm.

2. Hạ sĩ quan, binh sĩ trước lúc nhập ngũ làm việc ở cơ quan, cơ sở kinh tế nào thì khi xuất ngũ cơ quan cơ sở kinh tế đó có trách nhiệm tiếp nhận lại, nếu cơ quan cơ sở đã giải thể, bị đóng cửa hoặc phá sản, thì cơ quan cấp trên trực tiếp có trách nhiệm giải quyết việc làm.

Trường hợp cơ quan cấp trên cũng đã giải thể hoặc không có cơ quan cấp trên trực tiếp, thì cơ quan lao động, thương binh xã hội cấp tỉnh có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các cơ quan nhà nước khác, các tổ chức kinh tế, các tổ chức xã hội để giải quyết việc làm thực hiện chế độ, chính sách cho Hạ sĩ quan, binh sĩ nói trên theo quy định của pháp luật về lao động và các lĩnh vực khác có liên quan.

3. Hạ sĩ quan, binh sĩ nhập ngũ ngay sau khi tốt nghiệp các trường dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng hoặc đại học (sau đây gọi chung là các trường đào tạo) thì khi xuất ngũ được cơ quan lao động, các cơn quan, đơn vị, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế ưu tiên xét sắp xếp việc làm và được miễn chế độ tập sự.

4. Hạ sĩ quan, binh sĩ trước lúc nhập ngũ có giấy gọi vào học ở các trường đào tạo thì kết quả thi được bảo lưu, khi xuất ngũ được vào học ở các trường đó.

Điều 22. Hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ và dự bị nếu bị thương, bị bệnh hoặc chết trong khi làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc hoặc thực hiện nhiệm vụ quân sự thì bản thân và gia đình được hưởng chế độ ưu đãi theo chính sách hiện hành của Nhà nước.

Điều 23. Quyền lợi của gia đình hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ:

1. Bố hoặc vợ được tạm miễn tham gia lao động công ích trong những trường hợp gia đình thực sự khó khăn được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chứng nhận.

2. Bố, mẹ, vợ, và con được miễn viện phí khi đi khám bệnh và chữa bệnh tại các bệnh viện của Nhà nước và được ưu tiên xét trợ cấp khó khăn đột xuất theo chính sách chung của Nhà nước.

3. Con gửi ở nhà trẻ, học tại các trường mẫu giáo, trường phổ thông của Nhà nước được miễn học phí và tiền đóng góp xây dựng trường.

Chương IV
HẠ SĨ QUAN, BINH SĨ XUẤT NGŨ PHỤC VỤ Ở NGẠCH DỰ BỊ, GIẢI NGẠCH DỰ BỊ

Điều 24. Hạ sĩ quan, binh sĩ có một trong những trường hợp sau đây được xuất ngũ chuyển sang ngạch dự bị:

- Đã hết thời hạn phục vụ tại ngũ.

- Không đủ điều kiện sức khỏe hoặc thiếu những điều cần thiết khác theo quy định của Bộ Quốc phòng để tiếp tục phục vụ tại ngũ.

- Quân đội chấn chỉnh tổ chức, biên chế.

Điều 25. Việc cho xuất ngũ chuyển sang ngạch dự bị đối với hạ sĩ quan, binh sĩ thuộc quyền do Thủ trưởng trung đoàn và tương đương trở lên quyết định. Trường hợp cho xuất ngũ trước thời hạn đối với hạ sĩ quan thì do Thủ trưởng sư đoàn và tương đương trở lên quyết định.

Điều 26. Hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ chuyển sang ngạch dự bị vẫn được giữ cấp bậc quân hàm cũ.

Điều 27. Hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị phải chấp hành các chế độ đăng ký nghĩa vụ quân sự, tham gia huấn luyện quân sự và kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Điều 28. Hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị được sắp xếp vào các đơn vị dự bị động viên qua thời gian tập trung huấn luyện, nếu được bổ nhiệm vào một chức vụ mà thực hiện tốt thì được xét phong, thăng quân hàm tương ứng với chức vụ đảm nhiệm theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Điều 29. Trong thời gian tập trung huấn luyện, kiểm tra tình trạng sẵn sàng chiến đấu hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị phải tuân thủ kỷ luật quân đội, những người có thành tích thì được xét khen thưởng, những người vi phạm kỷ luật thì bị xử lý theo Điều lệnh kỷ luật của Quân đội. Trường hợp phạm pháp luật phải truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 30. Hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị đã phục vụ đến hết hạn tuổi dự bị, hoặc bị bệnh, bị thương không đủ sức khỏe phục vụ thì được giải ngạch dự bị. Chỉ huy trưởng quân sự địa phương cấp huyện, quận ra quyết định giải ngạch cho hạ sĩ quan, binh sĩ thuộc quyền.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 31. Điều lệ này có hiệu lực từ ngày ký.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện Điều lệ này./.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng